

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2024

V/v: “Ly hôn giữa chị Phượng và anh Thịnh”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ;

Ông Phạm Kim An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Vi Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm F, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm F, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2024, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2015. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng do tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu **Vũ Hồng N**, sinh ngày 18/5/2016 và cháu **Vũ Bảo N1**, sinh ngày 25/3/2019. Hiện cả hai con đang ở với chị **P**. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và cũng không nợ gì của ai nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và giấy báo cho anh **Vũ Văn T**. Mặc dù anh **T** đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà, địa phương có đến tổng đạt giấy báo và văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh **T** trốn tránh và không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để anh **T** được biết, nhưng anh **T** không đến Tòa án cũng như không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về việc chị **Nguyễn Thị Hồng P** xin ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã X:

- Chị **P** và anh **T** đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Mặc dù anh **T** đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà.

- Hiện nay, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đang thụ lý giải quyết vụ án trên và đã nhiều lần báo anh **Vũ Văn T** lên làm việc nhưng anh **T** không đến. Việc anh **T** không đến, địa phương có tổng đạt giấy báo của Tòa án cho anh **T** rất nhiều lần nhưng anh **T** đều trốn tránh và không hợp tác nhận giấy báo của Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hồng P** và anh **Vũ Văn T** đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến anh chị không hợp nhau và không tìm được tiếng nói chung, lối sống không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Địa phương thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **P** và anh **T** không có cơ hội để hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết ly hôn cho chị **P** và anh **T**.

- Về con chung: Chị **P** và anh **T** có 02 con chung là cháu **Vũ Hồng N**, sinh ngày 18/5/2016 và cháu **Vũ Bảo N1**, sinh ngày 25/3/2019. Hiện cả hai con đang ở với chị **P**. Khi ly hôn, chị **P** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của địa phương là căn cứ vào điều kiện kinh tế, nơi ăn chốn ở và môi trường học hành, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Địa phương yêu cầu Tòa án giao cả hai con chung cho chị **P** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị **P** và anh **T** không có tài sản chung, còn có nợ cá nhân nào hay không địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự,

nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị P và anh T; giao cả 02 con chung là cháu Vũ Hồng N, sinh ngày 18/5/2016 và cháu Vũ Bảo N1, sinh ngày 25/3/2019 cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn theo chị P là do tính tình lối sống không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung nên chị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; anh Vũ Văn T không đến Tòa án để làm việc, Tòa án cũng đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để anh T được biết nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản đến cho Tòa án về việc chị P xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ anh T không thiết tha mặn mà với cuộc sống hôn nhân của vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Vũ Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Hồng N, sinh ngày 18/5/2016 và cháu Vũ Bảo N1, sinh ngày 25/3/2019. Trong bản tự khai chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con chung là cháu Vũ Hồng N, sinh ngày 18/5/2016 và cháu Vũ Bảo N1, sinh ngày 25/3/2019 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu N cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, điều kiện kinh tế, nơi ăn chốn ở và môi trường học hành, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, để chị P trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu Vũ Hồng N, sinh ngày 18/5/2016 và cháu Vũ Bảo N1, sinh ngày 25/3/2019 sẽ tốt hơn về mọi mặt cho con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hồng P** và anh **Vũ Văn T**.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu **Vũ Hồng N**, sinh ngày 18/5/2016 và cháu **Vũ Bảo N1**, sinh ngày 25/3/2019 cho chị **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hồng P** phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000103 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị **Nguyễn Thị Hồng P** đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung